

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 74 /2021/DS-PT

Ngày 23 - 02 - 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Việt Trung.

Ông Trương Vĩnh Hữu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2020/TLPT-DS ngày 30/11/2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 212/2020/DS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 633/2020/QĐ-PT ngày 07/12/2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Minh Th, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Quý Tr, xã N Q, thị xã C L, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Minh Th: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1986 (là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 20/5/2020) (có mặt).

Địa chỉ: Số 546A, A B, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Th, xã D Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Th, xã D Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Ng: Anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1975 (là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 26/6/2020) (có mặt).

Địa chỉ: ấp Th, xã D Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Chị Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp Th, xã D Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Ngọc Tr: Anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1975 (là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 23/6/2020) (có mặt).

Địa chỉ: ấp Th, xã D Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Đặng Thị Tr, sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T H, xã T P, thị xã C L, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Giáp Thị Ngọc A, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt).

HKTT: Số 252/2, H P, phường 8, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 4/18E khu phố 1, phường 10, thành phố M, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn anh Nguyễn Minh Th.

- *Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Minh Th và anh Nguyễn Minh T - đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Minh Th trình bày:

Ngày 07/4/2020 anh Nguyễn Minh Th và gia đình ông Nguyễn Hữu Tr gồm: ông Nguyễn Hữu Tr (chồng), bà Trần Thị Ng (vợ), chị Nguyễn Ngọc Tr (con) có ký hợp đồng đặt cọc, số tiền đặt cọc là 300.000.000 đồng, mục đích đặt cọc là để đảm bảo việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Theo thỏa thuận ông Tr sẽ bán cho anh Th diện tích đất 2.420m², đất tọa lạc tại ấp H, xã D Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01181 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/6/2002 do ông Tr đại diện hộ gia đình đứng tên, giá chuyển nhượng là 5.000.000.000 đồng.

Hợp đồng đặt cọc, được lập thành hai bản chính như nhau, mỗi bên giữ một bản. Lý do bản hợp đồng do ông Tr giữ chỉ có chữ ký của anh Th và ông Tr là vì khi anh Th ký tên xong đưa cho ông Tr ký và ông Tr giữ, do đó chỉ cần có chữ ký của anh Th là có giá trị pháp lý đối với ông Tr, không cần bà Ng, chị Tr ký. Còn đối với bản hợp đồng do anh Th giữ thì anh Th yêu cầu bà Ng, chị Tr và người làm chứng là bà Tr ký vào để giữ làm cơ sở pháp lý cho anh Th.

Theo nội dung hợp đồng, các bên thống nhất đến ngày 21/4/2020 thì đến Văn phòng công chứng và các cơ quan chức năng để tiến hành ký kết hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đến ngày 21/4/2020 khi anh Th đến gặp ông Tr để yêu cầu làm thủ tục chuyển nhượng theo thỏa thuận, tuy nhiên thời hạn sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tr đã hết, cần gia hạn lại nên ông Tr xin gia hạn đến ngày 12/5/2020 sẽ ký hợp đồng. Lúc đó, do bản chính hợp đồng đặt cọc của anh Th đã đưa cho chị Giáp Thị Ngọc A giữ để làm thủ tục chuyển nhượng nên chị A lấy ra viết nội dung bổ sung vào ngày ký hợp đồng chuyển nhượng là ngày 12/5/2020 chứ không phải là ngày 21/4/2020. Khi chị A viết phần bổ sung có mặt anh Th, nhưng anh Th không đồng ý với nội dung bổ sung này, nên anh Th đã không ký tên vào nội dung bổ sung mà chỉ có chị A, ông Tr, bà Ng, chị Tr ký.

Do anh Th không đồng ý với nội dung bổ sung nên hai bên không thực hiện được việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng, anh Th có yêu cầu ông Tr, bà Ng, chị Tr trả lại tiền ngay lúc đó nhưng ông Tr, bà Ng, chị Tr không trả. Từ ngày 21/4/2020 đến ngày khởi kiện anh Th có gặp ông Tr, bà Ng, chị Tr nhiều lần để yêu cầu trả lại tiền nhưng ông Tr, bà Ng, chị Tr không trả.

Nay anh Nguyễn Minh Th khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu Tr, bà Trần Thị Ng, chị Nguyễn Ngọc Tr trả lại tiền đặt cọc 300.000.000 đồng, anh Th không yêu cầu phạt cọc, yêu cầu thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Nguyễn Hữu Tr và cũng là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Ng, chị Nguyễn Ngọc Tr trình bày:

Ngày 07/4/2020, ông và vợ là bà Ng có ký hợp đồng đặt cọc với anh Nguyễn Minh Th để hai bên tiến tới giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, diện tích đất ông chuyển nhượng cho anh Th là 2.420m², đất tọa lạc tại ấp H, D Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01181 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/6/2002 do ông đại diện hộ gia đình đứng tên, giá thỏa thuận chuyển nhượng là 5.000.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng đặt cọc, ông và vợ đã nhận đủ 300.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 21/4/2020 sẽ ký kết hợp đồng. Ngày 20/4/2020 ông đi xóa thế chấp ở Phòng Tài nguyên môi trường huyện C, tỉnh Tiền Giang để ngày 21/4/2020 ký hợp đồng chuyển nhượng cho anh Th, khi đi xóa thế chấp có chị Giáp Thị Ngọc A và anh Nguyễn Minh Th đi theo. Sau khi xóa thế chấp xong, ông lấy giấy đất ra thì anh Th và chị A xem giấy đất mới biết đã hết thời hạn sử dụng đất, phải gia hạn lại mới chuyển nhượng được.

Sau khi xóa thế chấp, ông về Ủy ban nhân dân xã D Đ xin xác nhận gia hạn sử dụng đất. Đến ngày 21/4/2020, anh Th và chị A đến nhà ông, chị A ghi nội dung bổ sung vào hợp đồng đặt cọc thay đổi thời hạn ký hợp đồng là ngày 12/5/2020 chứ không phải ngày 21/4/2020 như hợp đồng đã ký. Việc gia hạn này đã được các bên thống nhất nên chị A mới lấy hợp đồng đặt cọc do anh Th giữ viết nội dung bổ sung vào và yêu cầu ông, bà Ng vợ ông và con là chị Tr ký tên vào và giao cho anh Th tiếp tục giữ. Đối với bản hợp đồng do ông giữ không có viết nội dung bổ sung vào.

Ngày 21/4/2020 ông nộp hồ sơ gia hạn, ngày 22/4/2020 có kết quả gia hạn và ông đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gia hạn xong. Sau khi nhận giấy đất đã gia hạn xong, ông có báo cho anh Th biết việc đã gia hạn xong, có yêu cầu anh Th sớm ký hợp đồng, nhưng anh Th nói đến ngày 12/5/2020 (vì đây là ngày tốt đã chọn) mới ký hợp đồng. Sau đó hai bên không liên lạc gì, ông đợi đến ngày 12/5/2020 để ký hợp đồng, tuy nhiên anh Th không liên lạc gì với ông, đến khi ông nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa, ông mới biết anh Th kiện ông.

Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh Th vì lỗi hai bên không tiến tới ký kết hợp đồng được là do anh Th không thực hiện ký kết hợp đồng. Ông vẫn đồng ý bán đất cho anh Th với giá đã thương lượng; nếu anh Th không mua thì mất tiền cọc.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 212/2020/DS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Th về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu Tr, bà Trần Thị Ng, chị Nguyễn Ngọc Tr trả lại số tiền đặt cọc 300.000.000 đồng theo hợp đồng đặt cọc ký ngày ngày 07/4/2020 giữa anh Nguyễn Minh Th với ông Nguyễn Hữu Tr, bà Trần Thị Ng, chị Nguyễn Ngọc Tr.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Minh Th phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Minh Th đã nộp 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002832 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; do đó còn phải nộp tiếp 7.500.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 26/8/2020, nguyên đơn anh Nguyễn Minh Th có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh, buộc ông Nguyễn Hữu Tr, bà Trần Thị Ng và chị Nguyễn Ngọc Tr trả lại cho anh số tiền đặt cọc là 300.000.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Ngày 28/8/2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28/8/2020 đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 212/2020/DS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Th. Căn cứ kháng nghị:

- Lỗi dẫn đến hợp đồng không thể thực hiện được vào ngày 21/4/2020 là do ông Tr không kiểm tra về thời hạn sử dụng đất, là lỗi chủ quan.

- Đến hạn giao kết hợp đồng vào ngày 21/4/2020 mà ông Tr từ chối ký hợp đồng nên ông Tr phải hoàn trả cho anh Th số tiền đặt cọc 300.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Lỗi dẫn đến hợp đồng không thể thực hiện được vào ngày 21/4/2020 là do ông Tr không kiểm tra về thời hạn sử dụng đất, là lỗi chủ quan. Đến hạn giao kết hợp đồng vào ngày 21/4/2020 mà ông Tr từ chối ký hợp đồng nên ông Tr phải hoàn trả cho anh Th số tiền đặt cọc 300.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Th.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất với nhau vào ngày 07/4/2020 anh Nguyễn Minh Th và gia đình ông Nguyễn Hữu Tr gồm: ông Nguyễn Hữu Tr (chồng), bà Trần Thị Ng (vợ), chị Nguyễn Ngọc Tr (con) có ký hợp đồng đặt cọc, mục đích đặt cọc là để đảm bảo việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Theo thỏa thuận thì ông Tr sẽ bán cho anh Th diện tích đất 2.420m², đất tọa lạc tại ấp H, D Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01181 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/6/2002 do ông Tr đại diện hộ gia đình đứng tên, giá chuyển nhượng hai bên thống nhất là 5.000.000.000 đồng. Ông Tr, bà Ng, chị Tr đã nhận đủ số tiền đặt cọc từ anh Th là 300.000.000 đồng.

Xét thấy: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Th là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ:

Theo bản hợp đồng đặt cọc mà anh Th cung cấp cho Tòa án có nội dung bổ sung hai bên thỏa thuận ngày ký hợp đồng là ngày 12/5/2020 chứ không phải ngày 21/4/2020 như hợp đồng đã ký. Theo điểm c khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng

đặt cọc ký ngày 07/4/2020 thì “*Hai bên có thể thỏa thuận thời hạn chuyển nhượng*”, do đó việc thỏa thuận bổ sung này là phù hợp. Anh Th cho rằng do anh không đồng ý nên không ký tên vào nội dung bổ sung mà chỉ có ông Tr, bà Ng, chị Tr và chị A người làm chứng ký. Xét lời trình bày này của anh Th là không có cơ sở, bởi lẽ: nội dung bổ sung được chị Giáp Thị Ngọc A là người đi cùng anh Th viết vào bản chính của hợp đồng do anh Th giữ; anh Th là người giữ bản chính của hợp đồng, do vậy nếu không đồng ý thì anh Th đã không đưa bản chính hợp đồng ra để chị A viết nội dung bổ sung vào. Nội dung bổ sung thể hiện rõ “*Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang điều chỉnh nên hai bên thống nhất thời hạn giao kết hợp đồng chuyển nhượng ký kết tại văn phòng công chứng không phải là ngày 21/4/2020 mà là ngày 12/5/2020 các nội dung khác giữ nguyên và không thay đổi, hai bên thống nhất nội dung bổ sung này hai bên ký tên đồng ý*”.

Anh Th cho rằng chị Giáp Thị Ngọc A là người giữ bản chính hợp đồng của anh và khi ông Tr yêu cầu thì chị A tự viết nội dung bổ sung vào, xét thấy nếu chị A chưa hỏi ý kiến anh Th và anh Th không đồng ý thì chị A không thể viết là “*hai bên thống nhất thời hạn giao kết hợp đồng chuyển nhượng ký kết tại văn phòng công chứng không phải là ngày 21/4/2020 mà là ngày 12/5/2020*” được.

Chị Giáp Thị Ngọc A thừa nhận chị là người giữ bản chính hợp đồng của anh Th và khi ông Tr yêu cầu chị lấy bản hợp đồng ra viết vào, tuy nhiên anh Th và chị A không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là chị A là người giữ bản chính hợp đồng của anh Th, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của chị A, anh Th mà xác định bản chính hợp đồng do anh Th giữ để làm cơ sở pháp lý cho phía anh Th trong quá trình thực hiện hợp đồng với ông Tr. Việc anh Th giao bản chính hợp đồng cho chị A giữ là quan hệ giữa chị A và anh Th. Trong trường hợp này, nếu chị A tự ý viết phần bổ sung vào bản hợp đồng của anh Th mà không có sự đồng ý của anh Th, nếu có gây thiệt hại, anh Th có quyền khởi kiện yêu cầu chị A bồi thường bằng một vụ án khác.

Ngoài ra, theo lời khai của chị A thì khi chị viết nội dung bổ sung vào hợp đồng xong thì anh Th không đồng ý, lúc đó chị có khuyên anh Th ráng đợi ít bữa nữa gia hạn xong sẽ ký hợp đồng và anh Th không có ý kiến gì, điều này chứng tỏ anh Th đã biết rất rõ nội dung bổ sung và đồng ý với thỏa thuận nên không có ý kiến gì, không yêu cầu chị A xóa bỏ phần bổ sung. Việc anh Th không ký tên vào nội dung bổ sung không đủ cơ sở chứng minh anh Th không đồng ý, vì bản chính hợp đồng do anh Th là bên giữ để làm cơ sở pháp lý, bản hợp đồng này đã có đủ chữ ký của bên bị ràng buộc trách nhiệm pháp lý là ông Tr, bà Ng, chị Tr và có người làm chứng là chị A ký tên. Từ ngày 21/4/2020 đến ngày 12/5/2020 không có căn cứ cho rằng anh Th phản đối việc gia hạn trên. Đến ngày 03/6/2020 mới khởi kiện ra Tòa án.

Mặt khác, trong trường hợp này ông Tr đã rất có thiện chí trong việc thực hiện thỏa thuận. Ngày 21/4/2020 ông Tr gia hạn việc thực hiện quyền sử dụng

đất, ngày 22/4/2020 đã có kết quả gia hạn xong, nếu ông Tr không có thiện chí trong giao kết hợp đồng thì đã cố tình trì hoãn việc gia hạn. Từ khi anh Th khởi kiện ông Tr thể hiện ý kiến đồng ý chuyển nhượng thửa đất cho anh Th theo giá thỏa thuận, không có thay đổi hay yêu cầu gì khác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: việc hai bên không tiến tới ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc ký ngày 07/4/2020 là do anh Th đã từ chối giao kết hợp đồng, không phải do lỗi của ông Tr. Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng đặt cọc ngày 07/4/2020 giữa anh Th và ông Tr, bà Ng, chị Tr và Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015 bên đặt cọc phải mất tiền đặt cọc. Do đó anh Th yêu cầu ông Tr, bà Ng, chị Tr có nghĩa vụ trả lại số tiền đặt cọc 300.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh Th không được chấp nhận nên anh Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh Th.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 212/2020/DS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Th về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu Tr, bà Trần Thị Ng, chị Nguyễn Ngọc Tr trả lại số tiền đặt cọc 300.000.000 đồng theo hợp đồng đặt cọc ký ngày ngày 07/4/2020 giữa anh Nguyễn Minh Th với ông Nguyễn Hữu Tr, bà Trần Thị Ng, chị Nguyễn Ngọc Tr.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Minh Th phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Minh Th đã nộp 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002832 ngày 03/6/2020, do đó còn phải nộp tiếp 7.500.000 đồng.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Minh Th phải chịu số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003135 ngày 27/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện C;
 - THADS huyện C;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2021-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong